

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHĨA LỘ
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS - ST
Ngày 10/4/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ - TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lý.

Bà Lương Thị Hoàn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc - Thư ký TAND thị xã Nghĩa Lộ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2023/TLST- DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXX - ST ngày 26 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-DS ngày 15/3/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1953. Địa chỉ: phường P, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1973. Có mặt

Và anh Lưu Việt C, sinh năm 1969. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: phường Tr, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960. Địa chỉ: phường Tr, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2023 bà Bùi Thị Kim Th trình bày: Do có sự quen biết nên bà có cho vợ chồng chị Đỗ Thị H vay tiền nhiều lần từ năm 2018 đến năm 2021. Cụ thể: Ngày 28/4/2018 cho chị H vay số tiền 200.000.000 đồng; Ngày 12/9/2018 cho chị H vay 30.000.000đồng; Ngày 03/2/2019 cho chị H vay 20.000.000đồng; Ngày 28/3/2020 cho vợ chồng H C vay 50.000.000đồng; Ngày 01/5/2020 cho chị H vay 40.000.000đồng; Ngày 01/6/2020 cho vợ chồng Hn C vay 10.000.000đồng; Ngày 19/4/2021 cho chị H vay 10.000.000đồng; Ngày 24/5/2021 cho chị H vay 10.000.000đồng; Ngày 18/8/2021 cho chị H vay 20.000.000đồng; Ngày 04/11/2021 cho chị H vay 30.000.000đồng. Tổng số tiền bà cho chị H C vay

là 420.000.000đồng. Chị H đã trả cho bà 40kg gạo bằng 1 triệu đồng. Ngày 29/01/2022 gia đình chị H lừa nói trả cho bà 5m đất = 600 triệu đồng nhưng thực chất đất đó đã thế chấp tín dụng. Bà yêu cầu anh chị H C phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền là 419.000.000đồng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn khai bổ sung: Do mẹ của chị H nhờ bà vay hộ cho chị H nên bà đã đi vay người khác 200 triệu đồng với lãi suất 3%/tháng, hàng tháng chị H đưa lãi để bà trả hộ. Đến tháng 4/2021 chị H bị vỡ nợ không đưa tiền lãi nên bà đã xin hộ lãi còn 1%/tháng. Ngoài ra anh C gọi điện nhờ bà vay hộ, bà đã đưa 9 lần sau với số tiền là 220 triệu (tổng cộng 10 lần là 420 triệu đồng). Ngày 29/01/2022 vợ chồng H C và con trai đến nhà bà và thống nhất sẽ trả cho bà 420 triệu đồng = 5m đất có giá trị 600 triệu đồng. Do lúc đó chị H còn nợ bà Nguyễn Thị B số tiền là 200 triệu đồng nên sẽ chuyển số nợ 180 triệu từ bà B sang cho bà (420 triệu +180 triệu = 600 triệu tương đương 5m đất). Bà chấp nhận sẽ trả bà Bé 180 triệu với điều kiện khi nào Huyện Cường sang tên sổ đỏ cho bà thì bà trả tiền cho bà B. Tuy nhiên sau đó bà và bà B mới phát hiện ra mảnh đất đó đang bị thế chấp tại quỹ tín dụng, bà không lấy được đất. Vì vậy bà không thể đưa tiền cho bà B được.

Tại bản tự khai ngày 11/12/2023 bị đơn chị Đỗ Thị H trình bày: Chị thừa nhận có vay tiền của bà Th từ năm 2018 đến năm 2021 tổng số tiền là 420.000.000đồng. Hai bên đã viết giấy và thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/ tháng. Chị đã thanh toán cho bà Th số tiền vay 30.000.000đồng của ngày 04/11/2021, trả 01 đôi lục bình với giá 4 triệu đồng và gạo giá trị là 4 triệu đồng. Đối với số tiền lãi chị đã trả cho bà Th các lần là:

Khoản vay ngày 28/4/2018 là 200 triệu đồng lãi suất 3%/tháng, đã trả lãi đến hết tháng 12/2021 là 264 triệu đồng.

Khoản vay ngày 12/9/2018 là 30 triệu đồng, lãi 3%/tháng, đã trả lãi năm 2018 là 3 tháng tức 2,7 triệu đồng; năm 2019, 2020, 2021 mỗi năm trả 10.800.000đồng. Tổng 35.100.000đồng.

Khoản vay ngày 03/02/2019 là 20 triệu đồng, lãi 3%/tháng. Năm 2019 trả 10 tháng là 6 triệu đồng; Năm 2020, 2021 mỗi năm trả 7,2 triệu đồng. Tổng 20.400.000đồng.

Khoản vay ngày 28/3/2020 là 50 triệu đồng, lãi 3%/tháng; năm 2020 trả 9 tháng 13.500.000đồng, Năm 2021 trả 18 triệu đồng, tổng là 31.500.000đồng.

Khoản vay ngày 01/5/2020 là 40 triệu đồng, lãi là 2%/tháng. Năm 2020 trả 7 tháng 5.600.000đồng, năm 2021 trả 12 tháng là 9.600.000đồng. Tổng 15.200.000đồng.

Khoản vay 01/6/2020 là 10 triệu đồng, lãi suất 3%/tháng; Năm 2020 trả 6 tháng là 1.800.000đồng; năm 2021 trả 12 tháng là 3.600.000đồng, tổng là 5.400.000đồng.

Khoản vay ngày 19/4/2021 là 10 triệu đồng, lãi suất 3%/tháng. Năm 2021 trả 8 tháng là 2.400.000đồng.

Khoản vay 24/5/2021 là 10 triệu đồng, lãi suất 3%/tháng, năm 2021 trả 7 tháng là 2.100.000đồng.

Ngoài ra chị còn trả 25 triệu đồng do bà Th tính thêm lãi của những tháng có 31 ngày. Tổng cộng tất cả số tiền lãi chị đã trả cho bà Th là 401.000.000đồng. Nay bà Th khởi kiện chị xác định chỉ còn nợ gốc là 382.000.000đồng trong đó có nợ chung 60 triệu với anh C còn lại là nợ của riêng chị. Chị không đồng ý với yêu cầu của bà Th do chị đã trả nhiều lãi.

Đơn đề nghị ngày 16/12/2023 anh Lưu Việt C trình bày: Việc vay mượn tiền của vợ anh (chị H) với bà Th anh không hay biết, anh không đến nhà bà Th, không nhận tiền hay trả cho bà Th lần nào nên không liên quan gì. Anh và chị H không thống nhất vay tiền lần nào, việc anh ký vào giấy chị H vay chỉ mang tính chất là người thừa kế. Chị H đã trả tiền lãi cho bà Th từng tháng đầy đủ.

Bản tự khai của người có quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Anh chị H C có vay của bà 200 triệu đồng, đã trả được 20 triệu gốc + 14 triệu lãi, còn lại 180 triệu đồng chưa trả. Ngày 29/01/2022 chị H C đã thống nhất với bà Th cắt trả 5m đất với giá là 600 triệu đồng để thực hiện việc trả nợ cho bà Th số tiền 420 triệu đồng, số tiền thiếu chênh lệch thì bà Th nhận trả cho bà để khớp với giá trị mảnh đất. Do tin tưởng sự thống nhất đó sẽ thực hiện được nên bà đã đồng ý và ký tên người làm chứng vào biên bản trả nợ giữa bà Th và chị H. Tuy nhiên sau đó bà phát hiện ra mảnh đất đó chị H đã cầm cho Hợp tác xã tín dụng nên không thể sang tên được, bà Th cũng chưa đưa cho bà số tiền 180 triệu đồng.

Quá trình hòa giải bà Th và chị H thống nhất về số tiền vay gốc là 420.000.000đồng, đã trả 30 triệu đồng của khoản vay ngày 04/11/2021, 01 đôi lục bình bằng gỗ giá 4 triệu. Số gạo hai bên không thống nhất về giá trị (bà Th tính 1 triệu, chị H tính 4 triệu). Bà Th yêu cầu anh chị H C thanh toán toàn bộ tiền gốc còn nợ là 385 triệu đồng (nghĩa vụ chung là 60 triệu, còn lại của riêng chị H) và tính lãi suất là 1,7%/tháng đối với từng lần vay. Chị H không nhất trí với yêu cầu của bà Th, xác định nợ gốc còn là 382 triệu và đã lãi là 410 triệu đồng. Bà B xác định không nhận tiền của bà Th để khấu trừ vào nghĩa vụ thanh toán từ chị H phải trả cho bà sang cho bà Th nên bà đã yêu cầu chị H thanh toán số tiền nợ trong một vụ án khác.

Tại phiên tòa: Bà Th xác định chị Hn đã trả cho bà tổng số tiền, gỗ, gạo là 38 triệu đồng, bà yêu cầu chị H thanh toán trả số tiền còn nợ gốc riêng là 322 triệu đồng, yêu cầu anh C và chị H thanh toán số tiền nợ gốc chung là 60 triệu đồng. Bà đã nhận số tiền lãi của khoản vay ngày 28/4/2018 là 216 triệu đồng; nay bà tính lãi kể từ khi vay đến ngày xét xử theo lãi suất quy định của pháp luật (1,7%/tháng) thì số tiền lãi cũng nhiều hơn số tiền bà đã nhận, vì vậy bà không yêu cầu anh chị H C phải thanh toán thêm lãi nữa. Ngoài ra các khoản vay khác bà cũng không yêu cầu tính lãi nữa. **Chị H xác định còn nợ bà Th số tiền gốc là 382.000.000đồng trong đó nợ riêng của chị là 322.000.000đồng, nợ chung của vợ chồng là 60.000.000đồng. Chị xin được trả nhiều lần.**

Bà B giữ nguyên ý kiến về việc chưa nhận được tiền từ bà Th sau khi ký biên bản trả nợ ngày 29/01/2022. Bà đã yêu cầu chị H thanh toán số tiền nợ và đã được giải quyết xong bằng một vụ án khác nên không liên quan gì trong vụ án này nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự quy định của luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn (H) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình; bị đơn anh C đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th. Buộc chị H phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Th số tiền là 322.000.000đ. Buộc chị Đỗ Thị H và anh Lưu Việt C cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Th số tiền gốc là 60.000.000đ.

Anh C và chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị Kim Th khởi kiện yêu cầu chị Đỗ Thị H và anh Lưu Việt C có hộ khẩu và cư trú tại phường Tr, thị xã Nghĩa Lộ thanh toán trả nợ tiền vay. Theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lưu Việt anh C không đến Tòa án tham gia phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng, HĐXX căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về thời hiệu: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn không đề nghị áp dụng thời hiệu.

- Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự kiện pháp lý giữa nguyên đơn và các bị đơn xảy ra năm 2018 do đó áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Lời khai của nguyên đơn, bị đơn Đỗ Thị H đều thống nhất và phù hợp với chứng cứ được giao nộp tại Tòa án, thể hiện từ năm 2018 đến năm 2021 bà Th đã cho anh chị H C vay tiền nhiều lần. Tổng cộng 10 lần cho vay tiền, trong đó có 02 lần vay có chữ ký của cả chị H và anh C còn lại 8 lần vay là do riêng chị H ký nhận. Cụ thể chị H vay các khoản: Ngày 28/4/2018 vay số tiền 200.000.000đồng; Ngày 12/9/2018 vay 30.000.000đồng; Ngày 03/2/2019 vay 20.000.000đồng; Ngày 01/5/2020 vay 40.000.000đồng; Ngày 19/4/2021 vay 10.000.000đồng; Ngày 24/5/2021 vay 10.000.000đồng; Ngày 18/8/2021 vay 20.000.000đồng; Ngày 04/11/2021 vay 30.000.000đồng. Tổng số tiền chị H ký nhận vay riêng là 360.000.000đồng.

Các khoản vay chung của cả chị H và anh C là: Ngày 28/3/2020 vay 50.000.000đồng, ngày 01/6/2020 vay 10.000.000đồng. Tổng số là 60.000.000đồng.

Xét thấy các lần vay tiền đều viết giấy biên nhận ghi số tiền vay, không ghi rõ thời hạn thanh toán; lẫn suốt các bên thỏa thuận miệng không ghi cụ thể trong giấy

biên nhận. Đây được xác định là hợp đồng vay tài sản không thời hạn và có lãi. Riêng khoản vay ngày 04/11/2021 không có lãi.

Bà Th và chị H cùng xác nhận chị H đã trả cho bà Th số tiền 30 triệu khoản vay ngày 04/11/2021, 01 đôi lục bình bằng gỗ trị giá 4 triệu đồng và số gạo ăn có trị giá là 4 triệu đồng. Như vậy, số tiền nợ gốc còn lại là 382.000.000đồng.

- Đối với khoản nợ chung: Mặc dù anh C không thừa nhận khoản nợ chung với chị H là 60 triệu đồng, mà cho rằng anh chỉ ký tên vào giấy vay tiền với tư cách là người thừa kế. HĐXX thấy tại thời điểm giao kết hợp đồng anh chị là vợ chồng, giấy vay tiền có chữ ký của cả hai vợ chồng; các bên tham gia giao dịch đều có năng lực trách nhiệm hành vi dân sự, không có ai bị ép buộc hay lừa dối. Ngoài ra chị H cũng thừa nhận đó là nợ chung của vợ chồng vì vậy anh C phải có trách nhiệm, nghĩa vụ chung về khoản vay nợ 60 triệu đồng.

Như vậy, có căn cứ để xác định chị H còn nợ riêng bà Th số tiền gốc là 322 triệu đồng; nợ chung với anh C số tiền gốc là 60 triệu đồng. Toàn bộ số tiền trên bà Th đã yêu cầu anh chị H C thanh toán nhiều lần nhưng anh chị không thanh toán hết là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định của Điều 280 của Bộ luật dân sự. Việc anh chị H C không thanh toán hết nợ đã gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Th, do vậy bà Th khởi kiện đòi số tiền nợ gốc là hoàn toàn có căn cứ.

[2.2]. Về lãi suất: Các bên đều thừa nhận cho vay có lãi theo thỏa thuận với mức lãi suất là 3%/tháng. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thì “*lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay.....trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực*”. Như vậy, sự thỏa thuận lãi suất giữa bà Th và anh chị H C đã vượt quá mức quy định của pháp luật nên phần vượt quá không được công nhận, mức lãi suất được áp dụng là 20%/năm tương đương 1,66%/tháng.

Do anh chị H C vi phạm nghĩa vụ, không thực hiện đúng như cam kết thỏa thuận, vì vậy nên số tiền lãi phải được tính kể từ ngày vi phạm đến ngày xét xử sơ thẩm (10/4/2024). Riêng khoản tiền lãi của khoản vay ngày 28/4/2018 là $200.000.000đ \times 1,66\% \times 71$ tháng 14 ngày (từ ngày 28/4/2018 đến ngày 10/4/2024) = 237.268.000đồng, bà Th thừa nhận đã được thanh toán là 216.000.000đồng, số tiền lãi còn thiếu là $237.268.000đ - 216.000.000đ = 21.268.000đ$ đồng, tuy nhiên bà Th không yêu cầu trả. Ngoài ra toàn bộ các khoản vay khác bà Th cũng không yêu cầu anh chị H C phải thanh toán lãi. Việc bà Th không yêu cầu anh chị H C thanh toán lãi nữa hoàn toàn là sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật nên được chấp nhận. Chị H cho rằng đã thanh toán cho bà Th tổng số tiền lãi là 401.000.000đ nhưng chị không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ.

[3] Từ những đánh giá trên Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của bà Th đối với anh chị H C về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 382.000.000đồng, trong đó nghĩa vụ riêng của chị H là 322.000.000đồng, nghĩa vụ liên đới chung của chị H và anh C là 60.000.000đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[4]. Đối với việc thống nhất chuyển giao nghĩa vụ từ chị H sang cho bà Th để thanh toán cho bà Nguyễn Thị B số tiền 180 triệu đồng theo biên bản trả nợ ngày 29/01/2022, các đương sự đều khai không thực hiện được do đó bà Th không có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà B số tiền 180 triệu đồng. Sự việc này đã được bà B khởi kiện chị H bằng một vụ án dân sự khác và đã có quyết định giải quyết của tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Th được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Chị H và anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho bà Th.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Kim Th đối với chị Đỗ Thị H và anh Lưu Việt C về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc chị Đỗ Thị H có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Bùi Thị Kim Th số tiền nợ gốc là 322.000.000đ (*ba trăm hai mươi hai triệu đồng*).

Buộc chị Đỗ Thị H và anh Lưu Việt C cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Bùi Thị Kim Th số tiền nợ gốc là 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí đối với khoản tiền thanh toán riêng là 16.100.000đồng.

- Chị Đỗ Thị H và anh Lưu Việt C phải liên đới chịu 3.000.000đồng án phí sơ thẩm.

- Bà Bùi Thị Kim Th không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.380.000đồng theo biên lai thu số AA/2023/0000762 ngày 15/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Hạnh